

BÀI CHÒI

*Ngày xuân, thời trước cách đây 40 – 50
Năm, bài chòi được các vị bô lão,
thanh niên trai tráng tổ chức
tại các chợ làng vui chơi,
đón Tết. Nay bài chòi
đã lui vào quá khứ giữ vai
trò lịch sử trong những
trang văn nghiên cứu
loại hình này. Nhân ngày xuân,
đọc lại vài trang văn về Bài chòi
là cách "ôn cố tri tân", thật thú vị.*

1. Nguồn gốc và quá trình phát triển

Bài chòi là sản phẩm tinh thần độc đáo của cư dân vùng đất mới, chạy dài từ Quảng Bình đến Phú Yên. Lâu nay, khi nói đến bài chòi người ta thường nghĩ rằng đây là một sản phẩm tinh thần đặc trưng của miền Nam Trung bộ mà quên rằng từ xa xưa trò chơi này cũng đã rất quen thuộc với nhân dân vùng Quảng Bình,¹ Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Trong lịch sử, năm 1069, đời nhà Lý, vua Lý Thánh Tông thân chinh cử Lý Thường Kiệt làm Đại tướng chinh phạt Chăm Pa, bắt vua Chăm Pa là Chế Củ. Để chuộc mạng, Chế Củ xin dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt (nay thuộc Quảng Bình và phía Bắc Quảng Trị)². Do đó, khái niệm "vùng đất mới" ở đây được hiểu là vùng đất xưa kia vốn là của Chăm Pa kéo dài từ Quảng Bình đến Phú Yên. Bàn về thời điểm ra đời của bài chòi, G.L. Bouvier, một nhà âm nhạc học người Pháp gốc Ba Lan, cho rằng: "Bài chòi được hình thành và phát triển sau những năm Nam tiến tức là sau 1470"³. Tuy nhiên, trên cơ sở lịch sử đã biết, phải chăng có thể trò chơi này đã ra đời sớm hơn cả thời điểm mà G.L. Bouvier đã nêu.

Về hoàn cảnh ra đời G.L. Bouvier có viết: "Khi xuôi về phương Nam, người Việt ra sức khẩn hoang từ vùng Amaravati đến Panduranga (tức Quảng Nam, Quảng Ngãi đến Bình Thuận), đặc biệt đã thành công trong xây dựng kinh tế, văn hoá và đời sống ở vùng châu thổ Vijaya (Bình Định, Phú Yên) rất phì nhiêu. Được như vậy là nhờ sự tập hợp rộng khắp và hợp lý cùng một lúc các dân tộc anh em

¹ Đọc Nguyễn Tú, *Hội bài chòi ở Quảng Bình*. Tạp chí Nguồn sáng dân gian số 1/2006.

² Đọc Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong*. Nxb Văn học. Tr 44-45.

³ Nhạc sỹ La Nhiên, *Quê hương điệu hát bài chòi*. Gài Gòn 1974 (Ronéo) dẫn theo Đoàn Việt Hùng "Bài chòi và tiến trình phát triển", in trong *Ca dao dân ca trên vùng đất Phú Yên*. Tr 116.

thành một khối. Trong số đó có nhiều người từ nhiều địa phương vốn mang truyền thống văn hoá lâu đời trên khắp mọi miền từ phương Bắc đến. Vì có sự tập trung phong phú và đa dạng về mặt văn hoá như thế, nhân dân ta có điều kiện kết hợp hoà thuận nhanh chóng với nền văn hoá của đồng bào địa phương đã sống từ lâu ở đây, cải cách một số dân ca, dân vũ để phù hợp với nếp sống của cộng đồng (mới) lúc bấy giờ... Bài chòi đã ra đời trong hoàn cảnh như thế.⁴

Nguồn gốc của trò chơi bài chòi là một vấn đề gây băn khoăn và tranh cãi cho rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Những ý kiến bàn về vấn đề này rất nhiều, tựu trung có hai quan niệm khác nhau. Một số tác giả như Đặng Văn Lung, Vũ Ngọc Phan... cho rằng bài chòi là một lối hát bắt nguồn từ trò chơi bài chòi: “Hò bài chòi là một lối hát bắt nguồn từ lối chơi bài bạc, song khi nó phát triển lên thì cũng trở thành một loại dân ca độc đáo của Liên khu V.”⁵

Ngược lại, ý kiến của một nhóm tác giả khác như Tạ Chí Đại Trường, Quách Tấn, Trương Đình Quang thì quan niệm khác hẳn. Tạ Chí Đại Trường cho rằng: “Hát hò có đời sống riêng của nó trước khi nhập vào trò chơi thành một hình thức rồi khi tách ra lại đem hình thức mới ấy cải biên theo điều kiện mới” và cuối cùng tác giả kết luận: “Hò bài chòi hiểu theo hiện tượng này rõ là xưa hơn đánh bài chòi”⁶. Cùng với quan niệm trên, 1973 Huỳnh Lý cho rằng: “Về những câu hò bài chòi dài đầy tính văn nghệ dân gian ấy là những thú vui ghép vào cuộc bài”⁷. Năm 1977, để làm rõ thêm quan niệm này, Trương Đình Quang viết: “Điệu hò bài chòi không phải là con đẻ của trò chơi bài chòi mà là một dân ca đã có từ trước được kết hợp với trò chơi ấy.”... “Còn việc dùng chất liệu giai điệu hò bài để hò những câu thai (câu đố) về tên các con bài trùng thì cũng giống như các điệu ngâm thơ để thả thơ hoặc dùng lối nói về bốn từ, năm từ (và biến thể) trong trò đánh lô tô của đánh bạc có kết hợp câu đố. Đó chỉ là cách dùng nghệ thuật ca hát để tăng phần hấp dẫn của trò chơi và đám cờ bạc mà thôi”⁸. Bài chòi là một trò chơi dân gian trong đó có lồng vào những làn điệu dân ca (Xuân nữ, Cổ bản). Những làn điệu dân ca này có quá trình phát triển tự thân lâu dài và độc lập về mặt phát triển nghệ thuật với hình thức đánh bài đó. Theo các tác giả này có thể hiểu rằng: Trò chơi “bài chòi đã có từ lâu, nhưng bày ra điệu hò thì mới được 50, 60 năm nay”⁹.

⁴ G.L. Bouvier, *La Rousre Musicale*. Paris 1928, dẫn theo Đoàn Việt Hùng, *Bài chòi và tiến trình phát triển*, in trong *Ca dao dân ca miền núi Phú Yên*. Tr 166.

⁵ Đặng Văn Lung, *Các hình thức sinh hoạt dân ca*. Tạp chí nghiên cứu Văn học số 5/1973.

⁶ Tạ Chí Đại Trường, *Nguồn gốc và tương quan của bài chòi với hát bội, cải lương*. Tạp chí Tân Văn, Sài Gòn số 4, tháng 8/1968.

⁷ Huỳnh Lý, *Một trò chơi dân gian ở miền Nam - Bài chòi ngày Tết*. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 26 tháng 2/1973.

⁸ Trương Đình Quang, *Để làm sáng tỏ thêm về lý, bài chòi và ca nhạc tài tử*. Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật số 2/1977.

⁹ Quách Tấn, *Non nước Bình Định*. Nam Cường, Sài Gòn 1967.

Có thể nói rằng, bài chòi ra đời đầu tiên là để thoả mãn nhu cầu sinh hoạt vui chơi, giải trí của cư dân vùng đất mới nhưng càng về sau, nhu cầu văn nghệ phát triển, người ta đã lồng ghép các làn điệu dân ca vào trò chơi, “biến cuộc đờ đen thành một trò văn chương tao nhã”¹⁰. Người ta đến với bài chòi không chỉ để chơi đánh bài mà chủ yếu là để được thưởng thức văn nghệ và để sống trong không khí tưng bừng rộn rã của ngày Tết. Hoà quyện với không khí đón xuân, tiếng trống hội bài chòi giục giã làm náo nức lòng người. Có thể nói, chính thời điểm tổ chức (thường từ mùng 1 đến mùng 7 Tết âm lịch) này đã tạo nên không khí hội hè đình đám của cư dân Việt trên vùng đất mới. Càng về sau, nó càng như một sinh hoạt không thể thiếu trong những ngày hội xuân. Chính vì thế mà cư dân ở đây rất mê bài chòi:

- Say mê cái thứ bài chòi
Để cho con nó khóc lòi ruột ra.
(Bình Định)

- Bài chòi bài chỏi bài chơi
Để cho con nó khóc lòi rún ra.
(Quảng Nam)

2. Về giai điệu

Theo Đặng Văn Lung, Phan Ngạn, lúc đầu hô bài chòi chỉ là kể chuyện theo nguyên mẫu văn vần, có âm giai, nhịp điệu. Những người ngồi nghe phụ họa vào câu chuyện kể bằng nhịp tay, và về sau biến thức của nó chính là bộ sanh. Từ việc chỉ một người hô những câu ngắn gọn, tiến tới nhiều người hô theo lớp làng, tuồng tích có đối thoại. Bài chòi đã tiến một bước xa. “Tính mâu thuẫn trong bài ca chưa cao, chưa rõ nét nhưng dáng dấp tiền kịch của bài chòi bắt đầu hình thành, là tiền đề cho sân khấu ca kịch bài chòi mang tính hiện đại sau này”¹¹.

Đến mùa xuân năm 1934, bài chòi đã có một bước phát triển đột xuất. Đây là một thời điểm đáng chú ý vì chính năm này bài chòi đã từ đất lên sàn, từ nghệ thuật dân gian thuần túy tiến sang nghệ thuật biểu diễn mang tính sân khấu chuyên nghiệp. Nghệ thuật bài chòi đã chính thức ra mắt công chúng trên sân khấu Gò Bồi (xã Phước Hoà, huyện Tuy Phước). Như vậy, trên phương diện nghệ thuật, thời kỳ này bài chòi đã mang một sắc thái mới gọi là ca kịch bài chòi¹².

Tuy thời kỳ chia cắt đất nước (1954 - 1975) ca kịch bài chòi không phát triển nhưng phải nói rằng trên sân khấu văn nghệ, thời kỳ này nhiều nghệ sỹ đã cố gắng rất nhiều để phát triển kịch hát bài chòi trên sân khấu dân tộc: chèo miền Bắc, cải lương miền Nam hay ca kịch bài chòi nam Trung bộ đều dần dần đi vào bế tắc. Trên con đường sáng tạo nghệ thuật đầy vất vả và gian truân, ca kịch bài chòi cũng đang đứng trước những thử thách lớn lao do thực tế tình hình sân khấu nước nhà hẹp lại.

¹⁰ Trần Thuỳ Mai, *Dân ca Thừa Thiên - Huế*. Nxb Thuận Hoá,

¹¹ Đoàn Việt Hùng

¹² Đọc thêm Trương Đình Quang

Trong hội thảo khoa học về “Giải pháp để phát triển nghệ thuật biểu diễn 2005 - 2006” nhiều nhà nghiên cứu đã đề xuất những giải pháp khắc phục. Một điều quan trọng là nếu cùng một lúc khôi phục cả trò chơi bài chòi lẫn sân khấu ca kịch bài chòi thì cả hai sẽ có điều kiện để hỗ trợ tốt cho nhau cùng phát triển.

Trước sự ra đời của kịch nói, về trò chơi bài chòi trong thời kỳ chiến tranh ác liệt, chống Pháp Mỹ chia cắt đất nước, nhân dân ta phải gánh chịu quá nhiều đau thương mất mát, không có điều kiện để đón xuân tưng bừng rôm rả như xưa, do đó trò chơi bài chòi cũng hạn chế tổ chức, một thời gian nó chỉ còn là “hoài niệm đẹp của những mùa xuân thời xưa cũ”¹³. Những năm gần đây, từ khi có đêm rằm phố cổ Hội An (1988) bài chòi đã được xuất hiện trở lại với hình thức hội chơi và được phục hồi những nét văn hoá đặc sắc của nó. Năm 2004, cùng với đêm phố cổ Hội An, bài chòi Quảng Nam được giải thưởng “The Guide Award”, giải thưởng du lịch - dịch vụ uy tín nhất Việt Nam.

Hiện nay, nhiều địa phương trên dải đất miền Trung đang cố gắng khôi phục lại hình thức sinh hoạt vui chơi này.

Trong không khí hoà bình, no ấm với quan điểm đúng đắn của Đảng là giữ gìn, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc hy vọng trong thời gian đến bài chòi sẽ lấy lại được địa vị hưng thịnh trong đời sống văn hoá văn nghệ của nhân dân vùng đất đã sản sinh ra nó.

3. Đánh bài chòi

Rủ nhau đi đánh bài chòi
Để cho con nó khóc lòi rún ra

3.1. Cách tổ chức

Việc lập chòi để chơi cũng có nhiều cách và mỗi địa phương cũng tổ chức dựng chòi có ít nhiều khác nhau¹⁴. Ở Quảng Nam người ta cất theo cạnh hình chữ nhật. Hai cạnh dài, mỗi bên dựng 4 chòi đối mặt nhau. Chính giữa một cạnh ngắn là chòi trung ương, cạnh kia là một cái rạp nhỏ, ở trong kê một bộ phận. Cạnh bộ phận là 2 cái trống chầu, trước trống chầu là 1 cái bàn trên có đặt khay tiền và những lá cờ hiệu. Chính giữa hình chữ nhật là vị trí của anh Hiệu¹⁵ đứng hô bài, bên cạnh là chỗ ngồi của phường nhạc. Sát cạnh đáy người ta trồng một cây tre có khoét lỗ hổng hoặc treo vào đó những ống như đũa để đựng thẻ bài.

¹³ Đỗ Huân, *Về Hội An nghe bài chòi*

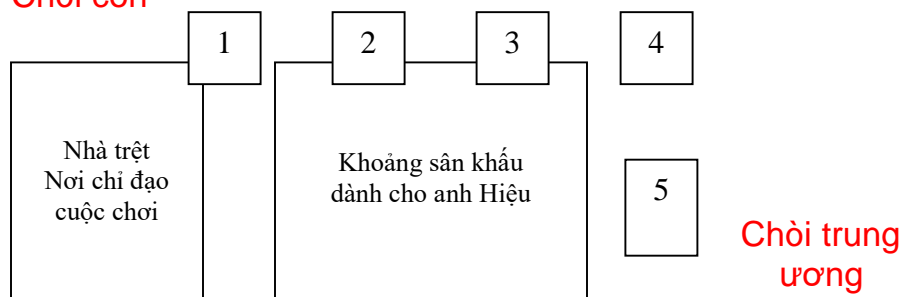
¹⁴ Theo Đoàn Việt Hùng ở Bình Định có 2 cách lập chòi: 1/ Lập 9 chòi theo hình bát giác (theo bát quái đồ), chòi trung ương ở giữa còn 8 chòi chung quanh. Cách này ít phổ biến. 2/ Lập 11 chòi, chòi trung ương ở giữa, mỗi bên có 5 chòi. Đọc Đoàn Việt Hùng. Sđd. Tr 178.

Theo Huỳnh Hữu Ủy ở Thừa Thiên - Huế cũng chơi 11 chòi.

¹⁵ Anh Hiệu chính và anh Hiệu phụ. Việc hô bài thường do Hiệu chính đảm trách, hiệu phụ bán quân bài và giao cờ khi có chòi tới.

Chòi thường làm bằng tranh tre, ba mặt sau phủ kín chỉ chừa lại mặt trước. Chòi cao khoảng 1,5 mét có thang để leo lên ¹⁶. Chòi được trang hoàng đẹp đẽ, rộng đủ 4-5 người ngồi. Người chơi có thể ngồi thong thả hoặc rủ các bạn chơi cùng ngồi. Lều trung ương thường dành cho những người có địa vị hoặc các chức sắc địa phương. Bộ phận ngựa chính là để dành cho các viên chức và quan khách. Công chúng tới xem chơi đứng chung quanh. Chúng ta có thể mô hình hoá sân khấu bài chòi xưa như sau:

Chòi con



Chòi con



Việc đánh bài sẽ lôi cuốn được một lực lượng tham gia đông, họ cùng nhau ngồi trong chòi để nghe hô những con bài, để náo nức chờ đợi.

Nói như thế có cho rằng nhân dân ta ngày trước ham mê trò “đỏ đen” quá chăng? Xin thưa rằng không! Đó chỉ là trò chơi để giải trí sau những ngày tháng lao động mệt nhọc. Việc đánh bài không phải để ăn thua mà chỉ là vui chơi để thử thời vận đầu năm. Nếu thua cũng không là bao, nếu ăn sẽ là điềm báo trước một năm mới phát đạt, may mắn. Từ trong ý thức nhân dân, người ta xem đây là một trò giải trí lành mạnh trong ba ngày tết. Đề cao trò chơi bài chòi:

Tam nhật chi xuân
Bách gia giai hỉ
Ta với cô xin kết tình tri kỷ
Như Tử Kỳ với Bá Nha
(...)
Vậy thời cô liệ (mà) cô chơi

¹⁶ Theo Huỳnh Hữu Uy ở Thừa Thiên - Huế chòi có thể cao đến 2,5 thước (không rõ là thước gì).

Bài cào, tứ sắc cô thời lánh đi
Làm như xóc đĩa ích gì
Mọt cưa, mướp đắng cô thì chớ ham
Chi cho bằng cô đánh bài chòi
Dầu mà bỏ ruộng (vói) bỏ....cũng đành
Mau mau (mà) bước cẳng lên chơi
Kẻ thừa thím, người thời thừa anh
(...)
Chỗ này là chỗ vui chơi
Có trống mẩu nhịp, có cây đờn,
mẫu thổi ò í e
Có rượu rồi lại có chè
Cô cứ gác chân tréo ngoáy
rồi cô ngồi cô nghe bài chòi
(Dân ca Bình Định)

Hay

Giật cờ đệ nhất rồi đệ tam
Có trống trường làng xỏ,
trống ở ngoài “lợn tợn bang”.
Tay tôi bưng rượu với khay vàng
Chúc mừng năm mới an khang xóm làng.

Bài chòi không chỉ không là trò đỏ đen mà qua ý thức nhân dân còn thể hiện ở đây nếp nghĩ chân chất, văn hoá, văn nghệ.

Vai trò của anh Hiệu trong hội chơi bài chòi rất quan trọng. Anh Hiệu không chỉ là “diễn viên chính trên sân khấu” mà anh còn là linh hồn của hội chơi. Nhờ tài năng của anh mà hội chơi thêm phần sôi nổi. Anh Hiệu phải là người nhanh nhẹn, hoạt bát, hát hay, giọng khoẻ, có tài ứng đối, có tài diễn xuất, thuộc nhiều câu thai để có thể cùng một lúc đảm đương cả 3 công việc: biên soạn, đạo diễn, diễn xuất. Việc thực hiện thành công cả 3 trọng trách này sẽ đánh giá được tài năng của một anh Hiệu.

3.2. Bộ bài

Bộ bài để đánh bài chòi chính là bộ bài tổ tôm được chuyển đổi thành bài tam cúc. Điều này dễ hiểu vì trên con đường Nam tiến, cha ông ta đã mang theo cả trò chơi quê hương đất cũ nhưng trò chơi tổ tôm vốn là trò chơi mang tính bác học, không phù hợp với cuộc sống “đầu sóng ngọn gió” nơi đất khách quê người. Do đó, nhân dân ta ngày ấy đã dân gian hoá trò chơi này, họ đã nghĩ ra một cách chơi giản dị hơn và họ đã chuyển bộ bài tổ tôm thành bộ bài trùng, bộ bài tới và chơi như bài tam cúc, đổi các tên gọi nặng âm Hán - Việt như bát sách, cửu vạn... thành những tên thuần Việt như ông àm, lá liễu, ngũ trưa, ba gà, đở mỏ... để dễ nhớ, dễ gọi. Với cách gọi thông tục, với cách chơi đơn giản, trò chơi đã được nhiều người tham gia. Như vậy, tính chất phổ thông hoá, bình dân hoá của trò

chơi khiến nó kết nạp được thêm một yếu tố, một lối ca hát có nguồn gốc sâu vào trong sinh hoạt tâm linh quần chúng¹⁷.

Bộ bài chòi ở miền Trung cũng như tranh dân gian ở miền Bắc thường chỉ xuất hiện vào những ngày tết. Rồi “tháng giêng là tháng ăn chơi qua đi”, nhân dân trở lại với công việc lao động, đồng áng thì bộ bài kia cũng tan nát theo vì chất liệu thô sơ, nghèo nàn. Những con bài được in trên loại giấy dó mỏng, thô và dán lên trên một lớp bìa cũng xấu theo kỹ thuật mộc bản rồi phủ lên một lớp điệp. Mặt sau con bài được quét một lớp phẩm màu xanh, đồ để tạo phần hình thức. Nhưng dẫu sao bộ bài chòi trông cũng rất thô sơ, giản dị, nghèo nàn không sao có thể bì được với bộ bài tây hay bài tàu.

Nếu hình thức con bài mang dáng vẻ thô sơ mộc mạc thì tên gọi những quân bài lại càng nô nôm na mộc mạc hơn. Ở Huế và Quảng Nam có bài về khá thú vị:

- Nghe về nghe về
Nghe về bài tới
Cơm chưa kịp xới
Trầu chưa kịp tằm
Tôi đánh một đêm
Thua ba tiền rưỡi
Về nhà chòng chửi
Thằng Móc, thằng Quăng
Đánh sao không ăn...

...

Mà thua lắm bậy...

Thằng móc, thằng quăng, bậy dầy, bậy sưa, ngủ trưa, ngủ dუმ...”Những tên gọi nô nôm na hài hước, dễ dãi, tinh nghịch, tiếng Nôm pha tiếng Hán khi gọi thế này, khi gọi thế khác. Khi tên gọi pha mùi bác học, khi cũng quân bài ấy nhưng lại gọi rất thô tục: con bạch huê khi gọi lá liễu, khi gọi con l. , con nọc đượng khi gọi con c. ...

Để dễ nhớ, dân gian có đặt tên, gọi tên các con bài, ở đây chúng tôi không muốn nói nhiều đến “yếu tố tục” mà chỉ muốn nói rằng những tên gọi này rất dân dã, gần gũi với nếp nghĩ và lời ăn tiếng nói quê mùa chất phát của người dân quê. Chính những tên gọi nô nôm na, mách qué này đã góp phần tạo ra những trận cười giòn giã giúp những bà mẹ quê xưa đi những nhọc nhằn hằn trên nếp trán , Chúng tôi xin gọi tên cả ba mươi con bài để chúng ta cùng điểm danh. Ba mươi con bài này được xếp thành ba pho: văn , vạ, sách như trong lối chơi tài bàn, tổ tôm . Mỗi pho có chín con ($9 \times 3 = 27$). Ba con còn lại xếp thành ba cặp yêu: cặp ông âm, cặp thái tử, cặp bạch tuyết. Sau đây là tên cả ba mươi con bài:

- Chín gói, lục xô, nhì nghèo.
- Thất nhọn, trường hai, trường ba

¹⁷ Tạ Chí Đại Trường, *Bài chòi ở Bình Định*. Tạp san Sử Địa số 5 Tết Đinh mùi. Sài Gòn 1967.

- Tứ hương, tám dây, đồ mỗ
- Sáu tiền, tám tiền, học trò
- Cửu thầy, bảy sưa, bảy liễu
- Ngủ trưa, tam quần, năm giày
- Ba gà, nọc đượng, tứ gióng
- Bát bông, nhị đấu, tứ tượng
- Chín xe, năm rún, đặng đầu
- Bạch tuyết, thái tử, ông âm

Tên gọi các con bài nghe mới lạ lắm làm sao! Ở đây nhân dân đã dân gian hoá bộ bài tổ tôm đến tuyệt đối. Người ta không phân biệt “ngũ” là “năm” với ngũ là “giác ngũ”. Người ta gọi con tứ tượng là con “voi” hay “dái doi”. Các con bài lại được xếp cặp đối xứng: thầy – trò, dầy – sưa, có con bài lại gọi lên hình ảnh gánh gồng của một đôi gióng nặng nợ với cuộc hành trình trường chinh của lịch sử dân tộc về phương Nam.

Do đó, những tên gọi trên tuy mới thoát qua nghe có vẻ lạ lùng, kỳ dị nhưng nghe cho kỹ ngẫm cho lâu ta lại thấy nó rất đời thân quen và gần gũi với những gì diễn ra trong đời sống của những lưu dân Việt trong quá trình Nam tiến. Tên gọi đã lạ lùng mà những hình vẽ trên các con bài lại càng lạ lùng bí hiểm. Mới nhìn qua chúng ta khó lòng mà hiểu được các họa sỹ dân gian này muốn vẽ gì? Nó có quan hệ thế nào với những tên gọi? Tổng quan, chúng ta thấy những hình vẽ này tựa như muốn chứng minh cho một trường phái hội họa nào đó, vượt lên trên tầm nhìn bình thường của con người. Chúng như “từ chối hình thể hay thanh lọc thực tại đến kỳ cùng trừu tượng hơn sự vật, hoặc là đi đến chỗ siêu thực tại, hoặc cách điệu và ghi nhận thực tại một cách ngây ngô, hồn nhiên như trẻ con”¹⁸... “Nó phẳng phất đâu đây một chút không khí u uất rất Chàm hay Phù Nam, những hình ảnh, đường nét, kiến trúc rất Tây nguyên, có khi gợi dậy một chút xa xăm phi thực, mù mờ của bùa chú hay của một cuộc sống hoang dã bên ngoài cõi đời văn minh”¹⁹

Trong một khảo sát khác, có người lại nhận xét về hình tượng các quân bài một cách xác đáng: nó gợi lên cảm tưởng hoặc nét vẽ của các họa phái siêu thực, vô hình dung, lập thể hoặc nét vẽ trên ngôi mộ Ai Cập. Từ một góc nhìn khác nếu chúng ta xếp riêng từng pho một, sẽ thấy ở mỗi pho một cách biểu đạt gần gần giống nhau. Các quân bài pho văn sử dụng những hình vẽ gần gũi với lối hình học, có những miếng tròn như bánh xe, đồng tiền hay nửa đồng tiền! Quân bài thuộc pho vạn thì đều vẽ mặt người với những nét rần rịt theo kiểu tranh thờ khắc gỗ dân gian. Ba cặp bài yêu cũng có lối vẽ tương tự. Các quân bài thuộc pho sách

¹⁸ Huỳnh Hữu Ủy, *Nghệ thuật dân gian và bộ bài tới ở miền Trung Trung bộ*. Tạp chí Sông Hương số 35/1989.

¹⁹ Huỳnh Hữu Ủy, Sđd.

thì lại có những hình vẽ theo kiểu quán mây thắt nút²⁰. Đó là những hình vẽ có những nút tròn nhỏ, giữa vòng tròn có một chấm đen, ngoài những vòng tròn còn có những đường vạch ngang rất đều có thể hình dung như quán tròn đều đặn bằng giấy mây.

Trong số 30 con bài này có 2 con gây chú ý nhiều nhất đó là con nọc đượng và bạch tuyết.

Trong cuộc chơi khi anh Hiệu rút trúng con nọc đượng, anh Hiệu có thể hô:

Năng cường, năng nhọc

Năng khuất, năng sanh

Nó thiệt cục gân

Ngồi gần con gái trần trần chẳng xiù.

Nội dung lời hô nghe có vẻ sống sượng, thô lỗ nhưng khi nghe, nghĩ kỹ chúng ta sẽ thấy đây chính là dấu vết của một cách nhìn của con người trước thế giới tự nhiên, dấu vết của một vũ trụ quan mang tính phồn thực, đề cao năng lực sinh tồn. Người Chăm xưa có tục thờ Lin-ga (tượng trưng cho dương vật) và I-ô-ni (tượng trưng cho âm vật), việc thờ phượng này bắt nguồn từ tục thờ đá rất xưa ở hải đảo và khắp vùng Đông Nam Á. Đây là một sự tin tưởng và sùng bái các thần linh mang lại sự sống, năng lực sinh tồn, sự phồn thịnh của mọi loài sinh - thực vật trên địa cầu.

Lin-ga là một cột đá gồm ba phần: đầu tròn, thân 8 cạnh và 1 chân đế hình vuông. I-ô-ni là một chậu đá hình vuông hay chữ nhật, có một rãnh nước thoát gần tựa như phần dưới của một cối đá xay bột. Các vua Chăm khi mới lên ngôi thường cho dựng Lin-ga quốc bảo để đồng nhất mình với thần linh và thể hiện khát vọng năng lực sinh tồn hằng cửu.

Ở miền Bắc các nhà khảo cổ học, dân tộc học cũng tìm thấy một số vết tích còn đậm nét những hình thái tương tự như là đề cao sự sinh sôi nảy nở, đề cao tính năng và sự luyến ái và một số tập tục khác rải rác nhiều nơi tỏ ra quý trọng sinh thực khí. Trên nắp chiếc tháp đồng Đào Thính (Yên Bái) được tìm thấy năm 1960 có 4 hình cặp nam, nữ đang giao hợp nhau chen kẽ vào giữa những hoa văn chạm nổi. Trên hành trình thiên cư từ Bắc vào Nam, người Việt xưa đã mang theo những cảm quan và suy nghĩ ấy. Gặp gỡ với quan niệm của Chăm Pa, những hình tượng trên càng có điều kiện để xuất hiện. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên khi những hình ảnh này xuất hiện trên bộ bài chòi. Trong một bài báo, tác giả Hoàng Chương cho rằng những vật thể ấy (Lin-ga và I-ô-ni của người Chăm) được vẽ trên những con bài gọi là bạch huê và nọc đượng²¹.

Thật ra chỉ có hình vẽ của con bạch huê ít nhiều đã gợi cho chúng ta hình ảnh của âm vật còn con nọc đượng thì tuyệt nhiên không. Hình vẽ của con nọc đượng trông khá lạ so với tên gọi của nó. Hình vẽ như một mái nhà sàn Tây

²⁰ Chữ dùng của Ông Nguyễn Văn Y, Giám đốc Viện Bảo tàng Mỹ thuật Hà Nội, trong một bài giới thiệu sơ lược về những bản in tay khắc gỗ của bộ bài tới trên báo Văn hoá Nghệ thuật 1977. Dẫn theo Nguyễn Hữu Uy.

²¹ Hoàng Chương, *Hát hò bài chòi*. Tạp chí Văn nghệ số 50 tháng 7/1961.

nguyên đốc cao mà trên đỉnh mái nhà là đầu một con chim, không rõ là chim gì nhưng lại rất giống hình con chim được vẽ trên quân bài ba gà. Theo Huỳnh Hữu Ủy thì phải chăng hình ảnh con chim này rất gần gũi với cách gọi dương vật là “chim” của người miền Trung và ông còn cho rằng “cũng có thể khi vẽ con nọc dương, người vẽ đã chọn biểu tượng ấy như một ngôn ngữ gián tiếp để phô diễn nội dung muốn đạt đến”²²

Đối lập với con nọc dương là con bạch tuyết. Nếu nọc dương là biểu tượng của dương vật thì bạch tuyết chính là biểu tượng của âm vật, là vật tổ I-ô-ni của Chăm-Pa cổ được tái hiện theo một cách khác. Bạch tuyết còn gọi là bạch huê (Bình Định) thông tục thì gọi là con lồn. Khi gặp con bài này, anh Hiệu có thể hát một bài thơ lục bát tuy dân dã nhưng cũng pha chút văn chương bác học, phẳng phát hơi thơ Hồ Xuân Hương:

Hoa phi đào phi cúc
Sắc phi lục phi hồng
Trơ như đá vững như đồng
Ai xô ai ngã, ngọn gió lồng không xao.
Mĩa mai cụm liễu cửa đào
Ong vô muốn đậu, bướm vào muốn bu
Bốn mùa đông, hạ, xuân, thu
Khi búp, khi nở, khi xiu, khi trương
Chúa xuân ngó thấy mồm cười
Sắc hay vương vấn mấy người tài danh
Có bông, có cuốn, không cành
Ở trong có nụ, bốn vành có tua
Nhà dân cho chí nhà vua
Ai ai có cửa cũng mua để dành
Tử tôn do thử nhi sanh
Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi.

Hình ảnh được vẽ trên con bài bạch huê ít nhiều cũng gợi cho ta những ý tưởng ấy. Từ một vòng xoáy tròn như cái rốn ở phía trên quân bài đến một nhánh lá liễu ngay giữa hình vẽ, phải chăng đây là một “âm vật được cách điệu một cách bay bướm?”

Với nghệ thuật tạo hình độc đáo của bộ bài trùng, các họa sỹ hiện đại có lẽ cũng còn sẽ tìm thấy ở đây nhiều điều thú vị, bổ ích.



²² Huỳnh Hữu Ủy. Sđd Tr 84.